

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ công tác dự phòng và phòng chống dịch năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Dự toán mua sắm Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ công tác dự phòng và phòng chống dịch năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

VIỆN TRƯỞNG VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 4775/QĐ-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý; sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-PAS ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, cập nhật Quyết định số 172/QĐ-PAS ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Khoa, Phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4083/QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-PAS ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt dự toán kinh phí hoạt động công tác dự phòng và phòng chống dịch thuộc nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 914/QĐ-PAS ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho Dự toán mua sắm: Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ công tác dự phòng và phòng chống dịch năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 918/QĐ-PAS ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Thông báo mời thầu cho gói thầu Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ công tác dự phòng và phòng chống dịch năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kết quả chào giá trực tuyến ngày 17 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ xác nhận chấp thuận được trao hợp đồng với các nhà thầu xếp hạng thứ nhất;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Vật tư – Thiết bị y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ công tác dự phòng và phòng chống dịch năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2500577575;
- Tên gói thầu: Cung cấp bổ sung hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ công tác dự phòng và phòng chống dịch năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;
- Giá gói thầu: 1.401.650.980 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm lẻ một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, chín trăm tám mươi đồng*);
- Tên chủ đầu tư: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào giá trực tuyến rút gọn trong nước qua mạng.

Xét theo từng phần của gói thầu;

- Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ THIÊN ÂN	0317104495	PP2500600437	Nhà thầu không được xếp hạng thứ nhất

4. Thông tin về hàng hóa trúng thầu:

Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Phòng Vật tư – Thiết bị y tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Tổ CNTT – Phòng HCQT (để thực hiện đăng tin trên website của Viện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Vũ Trung

Phụ lục I

THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PAS ngày tháng 12 năm 2025 của Viện trưởng
Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VNĐ)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QMEDIC	0108892059	374.605.000	374.605.000	-	-	374.605.000	10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
2	CÔNG TY TNHH OXY ĐỒNG NAI	3600254682	114.879.600	114.879.600	-	-	114.879.600	10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
3	CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ UNITECH	0317347628	108.825.000	108.825.000	-	-	108.825.000	10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
4	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VITECH	0106092106	199.449.680	199.449.680	-	-	199.449.680	10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
5	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ SINH HỌC ỨNG DỤNG VIỆT NAM	0105168916	66.573.600	66.573.600	-	-	66.573.600	10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
6	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KHOA HỌC VIỆT ANH	0101101276	253.350.000	253.350.000	-	-	253.350.000	10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
7	CÔNG TY TNHH CHANU	0314029345	33.782.721	33.782.721	-	-	33.782.721	10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
8	CÔNG TY TNHH TOÀN ANH	0303934182	108.756.000	108.756.000	-	-	108.756.000	10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VNĐ)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
9	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THUẬN GIANG	0312315968	16.297.400	16.297.400	-	-	16.297.400	10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
10	CÔNG TY TNHH EBRACO INTERNATIONAL	0317278526	31.395.600	31.395.600	-	-	31.395.600	10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
11	CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC SỰ SỐNG	0106215809	72.617.300	72.617.300	-	-	72.617.300	10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	-
Tổng cộng (VNĐ)							1.380.531.901			

Phụ lục II

THÔNG TIN HÀNG HÓA TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-PAS ngày tháng 12 năm 2025 của Viện trưởng Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Mã hàng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
1	PP2500600392	Kit tách chiết RNA vi rút	Không yêu cầu	52906	Từ năm 2024 trở đi	Đức	Qiagen	Bộ kit tách chiết RNA virus từ mẫu dịch cơ thể như huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Hiệu suất thu hồi RNA virus hơn 90% Công nghệ màng silica phân lập RNA virus từ 20 - 40 phút Thành phần: 250 cột có gắn màng silica Dung dịch ly giải Ống thu thập (2 ml) Chất mang gắn kết với RNA Chất đệm rửa Dung dịch thu nhận acid nucleic không có RNase, chứa 0,04% Sodium Azide Quy cách: 250 test/hộp	Test	1.250	146.880
2	PP2500600393	Bộ kit chạy RT-PCR một bước	Không yêu cầu	210212	Từ năm 2024 trở đi	Đức	Qiagen	Kit chạy RT-PCR 1 bước, chuẩn bị phản ứng bằng 1 ống Có thể hoạt động với nồng độ RNA từ 1pg-2µg Hỗn hợp Sensiscript và Omniscript Reverse Transcriptases, HotStarTaq DNA Polymerase, OneStep RT-PCR Buffer, hỗn hợp dNTP và Q-Solution cho phép khuếch đại các mẫu có hàm lượng GC cao hoặc mức độ cao của cấu trúc thứ cấp (ví dụ: các mẫu giàu GC) Thành phần (đủ cho 100 phản ứng): Hỗn hợp Enzyme (1 x 200 µl), Dung dịch đệm 5x 1 bước RT-PCR (1 x 1 ml), Hỗn hợp dNTP (1 x 200 µl, 10 mM mỗi loại), Dung dịch Q 5x (1 x 2 ml), Nước không chứa RNase (2 x 1,9 ml) Quy cách: 100 test/hộp	Test	1.000	132.670
3	PP2500600394	Kit tinh sạch PCR	Không yêu cầu	28104	Từ năm 2024 trở đi	Đức	Qiagen	Hiệu suất thu hồi ≥95% Làm sạch DNA tới 10kb qua 3 bước Tinh sạch các sản phẩm PCR >100 bp dựa trên màng silica Thành phần: cột silica, Dung dịch đệm, Ống đựng mẫu 2ml Quy cách: 50 test/hộp	Test	750	77.780
4	PP2500600395	Khí CO2	Không yêu cầu	CO2	Từ năm 2024 trở đi	Việt Nam	Công ty TNHH Oxy Đồng Nai	Độ tinh khiết > 99,8% Quy cách 25 kg/bình	Bình	53	313.200
5	PP2500600396	Khí nitơ lỏng	Không yêu cầu	LN2	Từ năm 2024 trở đi	Việt Nam	Công ty TNHH Oxy Đồng Nai	Độ tinh khiết ≥ 99,8% Quy cách 50 kg/bình	Kg	4.550	21.600

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Mã hàng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
6	PP2500600397	Bộ kit xét nghiệm đa tác nhân đường hô hấp	Không yêu cầu	AQSCR3	Từ năm 2024 trở đi	Thổ Nhĩ Kỳ	Anatolia Geneworks	Sinh phẩm RUO Kit real-time PCR định tính để phát hiện SARS-CoV-2, RSV A&B , Influenza A&B , Enterovirus, Metapneumovirus, Adenovirus, Human Parainfluenza 1/2/3/4 , Rhinovirus, Mycoplasma pneumoniae và Legionella Pneumophila trong các mẫu bệnh phẩm đường hô hấp của người bao gồm dịch mũi họng, dịch hầu họng và nước bọt. Thành phần: - Nước cất - PCR Master Mix 1, PCR Master Mix 2, PCR Master Mix 3 - Hỗn hợp enzyme phiên mã ngược và chất ức chế RNase - Positive Control 1, Positive Control 2, Positive Control 3 Độ nhạy (mẫu tam bông dịch hầu họng): SARS-CoV-2 0.6 copies/μl, RSV A 3 copies/μl, RSV B 7 copies/μl, Influenza A 3 copies/μl , Influenza B 4 copies/μl, Enterovirus 2 copies/μl, Metapneumovirus 6 copies/μl, Adenovirus 3.5 copies/μl, Human Parainfluenza 1 10 copies/μl, Human Parainfluenza 2 1 copies/μl, Human Parainfluenza 3 5 copies/μl, Human Parainfluenza 4 25 copies/μl, Rhinovirus 13 copies/μl, Mycoplasma Pneumoniae 0.15 copies/μl, Legionella Pneumophila 2 copies/μl Đóng gói 100 test/hộp	Hộp	2	41.600.000
7	PP2500600398	Kit realtime RT – PCR phát hiện bộ gene virus Ebola	Không yêu cầu	JC70110-1NW-25T	Từ năm 2024 trở đi	Trung Quốc	Bioperfectus	- Phát hiện RNA virus Ebola trong các mẫu bệnh phẩm lâm sàng, bao gồm máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương và nước tiểu, từ những cá nhân đáp ứng các tiêu chí lâm sàng và/hoặc dịch tễ học về virus Ebola. - Độ nhạy: 2,5 copies/phản ứng (500 copies/mL) - Độ đặc hiệu: 100% - Dùng được trên nhiều hệ máy realtime PCR sẵn có của Viện như Applied Biosystems 7500, QuantStudio™ 5, Roche LightCycler®480. - Đóng gói: 25 test/hộp	Test	25	205.000
8	PP2500600399	Kit realtime RT – PCR phát hiện bộ gene virus Hanta (HTN)	Không yêu cầu	YJC60124NW-25T	Từ năm 2024 trở đi	Trung Quốc	Bioperfectus	- Phát hiện RNA gây bệnh HFRS do Hantavirus bao gồm Seoul và Puumala từ mẫu huyết thanh người - Độ nhạy: 2.5 copies/phản ứng (500 copies/mL) - Độ đặc hiệu: 100% - Dùng được trên nhiều hệ máy realtime PCR sẵn có của Viện như Applied Biosystems 7500, QuantStudio™ 5, Roche LightCycler®480. - Đóng gói 25 test/hộp	Test	50	205.000

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Mã hàng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
9	PP2500600400	Kit realtime RT – PCR phát hiện bộ gene virus Marburg	Không yêu cầu	YJC70112NW-25T	Từ năm 2024 trở đi	Trung Quốc	Bioperfectus	Phát hiện bộ gene virus Marburg từ RNA trong mẫu máu người, huyết thanh, phân, dịch hô hấp, hệ tiêu hóa, mô. - Độ nhạy: 5 copies/phản ứng, (500 copies/mL) - Độ đặc hiệu: 100% - Dùng được trên nhiều hệ máy realtime PCR sẵn có của Viện như Applied Biosystems 7500, QuantStudio™ 5, Roche LightCycler®480. - Đóng gói 25 test/hộp	Test	25	205.000
10	PP2500600401	Kit realtime RT – PCR phát hiện bộ gene virus West Nile	Không yêu cầu	YJC70109NW-25T	Từ năm 2024 trở đi	Trung Quốc	Bioperfectus	Phát hiện bộ gene virus West Nile từ RNA trong mẫu máu toàn phần và huyết thanh người. - Độ nhạy: 5 copies/phản ứng, (500 copies/mL) - Độ đặc hiệu: 100% - Dùng được trên nhiều hệ máy realtime PCR sẵn có của Viện như Applied Biosystems 7500, QuantStudio™ 5, Roche LightCycler®480. - Đóng gói 25 test/hộp	Test	25	205.000
11	PP2500600402	Dung dịch kháng nấm Amphotericin B	Không yêu cầu	15290026	Từ năm 2024 trở đi	Anh	Thermo Fisher Scientific	Thành phần: 250µg amphotericin B và 205µg sodium deoxycholate Nồng độ 0,25 – 2,50 µg/mL Đã được xử lý vô trùng Có tác dụng ngăn chặn nhiễm trong nuôi cấy tế bào Quy cách: 50ml/chai	ml	150	62.000
12	PP2500600403	Dung dịch L- Glutamine	Không yêu cầu	25030081	Từ năm 2024 trở đi	Anh	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 200 mM, 100X Trong suốt, đã lọc vô trùng, không có Phenol red Giá trị pH: 5-6 Nồng độ tối ưu từ 2-6 mM Quy cách: 100ml/chai	ml	200	15.000
13	PP2500600404	Trypsin-TPCK	Không yêu cầu	20233	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Dùng để phân tích axit amin và xác định trình tự protein Đóng gói 50mg/chai	Chai	1	3.430.000
14	PP2500600405	Dung dịch kháng sinh Geneticin	Không yêu cầu	10131027	Từ năm 2024 trở đi	Thái Lan	Thermo Fisher Scientific	Nồng độ: 50 mg/mL Sử dụng phương pháp lọc vô trùng Quy cách: 100ml/chai	ml	200	197.000
15	PP2500600406	Bộ dNTPs	Không yêu cầu	10297018	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Gồm 4 nucleotides (dATP, dCTP, dGTP, dTTP). Mỗi nucleotide có nồng độ 100 mM. Dùng cho PCR, RT-PCR, Real Time PCR (qPCR) Độ pH: 7,5 Độ tinh sạch >99% (tinh sạch bằng HPLC) Không chứa qPCR, PCR, chất ức chế phiên mã ngược Không chứa DNases và RNases Không có DNA người và E. coli Quy cách đóng gói: 4 x 250µl/bộ	Bộ	1	12.100.000

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Mã hàng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
16	PP2500600407	Đĩa 24 giếng	Không yêu cầu	142485	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	- Đĩa nuôi cấy tế bào 24 giếng, đáy phẳng, tiết trùng - Chất liệu đĩa và nắp: Polystyrene - Thể tích làm việc các giếng: 1 mL - Khu vực tế bào phát triển: 1,9 cm ² - Đã được tiết trùng bằng tia gamma - Non-Pyrogenic Quy cách: 5 cái/gói, 85 cái/thùng	Cái	200	84.650
17	PP2500600408	Chai nuôi cấy tế bào 75cm ² có lọc	Không yêu cầu	156499	Từ năm 2024 trở đi	Đan Mạch	Thermo Fisher Scientific	Diện tích nuôi cấy: 75cm ² Chất liệu: Thân chai làm bằng nhựa Polystyrene, nắp thông khí, làm bằng nhựa HDPE Có vạch chia Đã tiết trùng Đóng gói: 100 cái/hộp	Cái	1.000	60.000
18	PP2500600409	Đầu côn có lọc 200 µl	Không yêu cầu	TFLR140-200-Q	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Chất liệu: nhựa Polypropylen Đã tiết trùng Không chứa DNase, RNase Phù hợp đa số pipet đang có trên thị trường Quy cách: 96 cái/hộp	Cái	960	2.083
19	PP2500600410	Nước cất pha mix và primer	Không yêu cầu	10977015	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	Dùng trong Sinh học phân tử Phương pháp tinh sạch: lọc qua màng lọc 0,1µm Không nhiễm DNase, RNase hoặc Protease Quy cách: 500ml/chai	ml	3.000	1.580
20	PP2500600411	Kit RT-PCR một bước SuperScript III với enzyme Platinum Taq DNA Polymerase độ chính xác cao	Không yêu cầu	12574035	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Thermo Fisher Scientific	- Dùng để phát hiện và phân tích các phân tử RNA nhạy cảm và có độ lặp lại cao thông qua kỹ thuật RT-PCR. - Phát hiện một lượng từ 01 pg cho tới 1µg RNA tổng số - Tốc độ phản ứng: 30 phút - Giảm hoạt tính Ribonuclease H - Enzyme khuếch đại DNA sử dụng công nghệ "hot-start", ức chế phản ứng ở điều kiện nhiệt độ phòng Thành phần : High Fidelity Enzyme Mix 2X Reaction Mix Magnesium Sulfate 5 mM Quy cách đóng gói 100 test/bộ	Bộ	1	30.000.000
21	PP2500600412	Ống ly tâm đáy nhọn 1,5ml có nắp	Không yêu cầu	1210-00	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	SSIbio	Loại không tiết trùng Nắp bật, có vạch chia thể tích Thể tích làm việc: 1,5ml Vật liệu: polypropylene, đáy hình nón Không chứa DNase/Rnase Nhiệt độ làm việc từ -80°C to +121°C Quy cách: 500 cái/gói	Cái	38.000	660

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Mã hàng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
22	PP2500600413	Bộ kit chạy định lượng một bước RT-PCR thể hệ 3	Không yêu cầu	11732-020	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Invitrogen	Thực hiện khuếch đại cho realtime RT-PCR từ RNA thành DNA trong cùng 1 phản ứng Enzyme phiên mã ngược tổng hợp cDNA ở nhiệt độ từ 42 độ C – 60 độ C Enzyme khuếch đại DNA sử dụng công nghệ ""hot-start", ức chế phản ứng ở điều kiện nhiệt độ phòng Phát hiện chính xác một lượng từ 10 bản sao RNA cho tới 1µg RNA tổng số Thành phần bộ kit bao gồm Enzyme, Reaction Mix, Magnesium sulfate, Rox reference Dye. Thể tích chuẩn của phản ứng: 50 µl Quy cách: 100 test/hộp	Test	100	185.500
23	PP2500600414	Dây ống 0.1ml quang học 8 vị trí	Không yêu cầu	4358293	Từ năm 2024 trở đi	Trung Quốc	ABI/Thermofisher Scientific	Chất liệu: nhựa Polypropylen Thể tích làm việc: 0,1ml Không chứa DNA/Rnase Quy cách: 125 strip/hộp	Dây	375	50.000
24	PP2500600415	Đĩa nhựa 96 giếng 0,1ml dùng cho máy realtime PCR (có barcode)	Không yêu cầu	4346906	Từ năm 2024 trở đi	Trung Quốc	ABI/Thermofisher Scientific	Thể tích làm việc: 0,1ml Chất liệu nhựa Polypropylen, trong suốt Quy cách: 20 cái/túi	Cái	200	302.000
25	PP2500600416	Miếng dán cho đĩa realtime PCR 96 miếng	Không yêu cầu	4311971	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	ABI/Thermofisher Scientific	Chất liệu Polyester Dạng film, trong suốt Quy cách: 100 miếng/hộp	Miếng	500	166.000
26	PP2500600417	Dây 8 giếng 0,2 ml cho Realtime PCR có kèm nắp	Không yêu cầu	A30588	Từ năm 2024 trở đi	Mexico	ABI/Thermofisher Scientific	Thể tích làm việc: 0,2ml Chất liệu nhựa Polypropylen, trong suốt Quy cách: 125 strip/hộp	Dây	750	80.000
27	PP2500600418	Chai nuôi cấy tế bào 25cm²	Không yêu cầu	430168	Từ năm 2024 trở đi	Trung Quốc	Corning	Hình dạng chai: Hình chữ nhật Kiểu cổ chai: dạng xéo Được xử lý bề mặt Phạm vi chia độ: 5-30 mL Diện tích bề mặt: 25 cm² Thể tích nuôi: 5 - 7,5 mL Chai và nắp được xử lý vô trùng Đường kính nắp 20 mm Chất liệu nắp Polyethylene Quy cách: 20 cái/túi, 500 cái/thùng	Chai	500	30.000
28	PP2500600419	Ống ly tâm 50 ml	Không yêu cầu	430829	Từ năm 2024 trở đi	Trung Quốc	Corning	Chất liệu: nhựa Polypropylen Không chứa DNase, Rnase Chịu được lực ly tâm tối đa 17.000 xg Có vạch chia độ Đã vô trùng Quy cách: 25 cái/gói	Cái	225	11.777

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Mã hàng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
29	PP2500600420	Dây nắp quang học 8 vị trí cho Realtime PCR	Không yêu cầu	4323032	Từ năm 2024 trở đi	Trung Quốc	ABI/Thermofisher Scientific	Dây 8 nắp quang học Chất liệu: nhựa polypropylene Dây 8 nắp phù hợp với ống đơn 0,2 mL, dây 8 ống (thể tích 0,1 hoặc 0,2 mL), hoặc đĩa 48 hoặc 96 giếng. Không chứa DNase/Rnase Quy cách: 300 cái/hộp	Dây	600	27.000
30	PP2500600421	Pipet điện tử 12 kênh 1-10 µl	Không yêu cầu	46300100	Từ năm 2024 trở đi	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific	Bước tăng thể tích: 0,1µL Độ chính xác: - Độ không chính xác (%): ±12.0% tại 1 µL đến ±2.4% tại 10 µL - Độ lệch chuẩn (%): 8.0% tại 1 µL đến 1.6% tại 10 µL	Cái	1	34.560.000
31	PP2500600422	Pipet điện tử 12 kênh 5-50 µl	Không yêu cầu	46300300	Từ năm 2024 trở đi	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific	Bước tăng thể tích: 0,1µL Độ không chính xác - Độ không chính xác (%): ±5.0% tại 5µL đến ±1.5% tại 50 µL - Độ lệch chuẩn (%): 2.0% tại 5 µL đến 0.7% tại 50 µL	Cái	1	34.560.000
32	PP2500600423	Pipet điện tử 1 kênh 10-100 µl	Không yêu cầu	46200400	Từ năm 2024 trở đi	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific	Bước tăng thể tích: 0,1µL Độ không chính xác - Độ không chính xác (%): ±3.0% tại 10 µL đến ±0.8% tại 100 µL - Độ lệch chuẩn (%): 1.0% tại 10µL đến 0.2 tại 100 µL	Cái	1	19.980.000
33	PP2500600424	Micropipette 8 kênh thể tích 10-100 µL	Không yêu cầu	4661020N	Từ năm 2024 trở đi	Phần Lan	Thermo Fisher Scientific	Bước tăng thể tích: 0,2 µL - Độ không chính xác : ±5.00% tại 10µl; ±2.50% tại 50µl, ±1.30% tại 100µl - Độ lệch chuẩn: 2.00% tại 10µl; 1.20% tại 50µl, 0.50% tại 100µl	Cái	1	19.656.000
34	PP2500600425	Dung dịch Ethanol tuyệt đối	Không yêu cầu	1009831011	Từ năm 2024 trở đi	Đức	Merck	Độ tinh khiết: ≥ 99,9% Quy cách đóng gói: 1 lít/chai	Lít	9	647.333
35	PP2500600426	Agarose	Không yêu cầu	R0491	Từ năm 2024 trở đi	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Được sử dụng để phân tách nucleic acid khi điện di. Không có hoạt tính DNase, RNase. Độ bền gel (1%): ≥ 1.000g/cm ² . Điểm nóng chảy (1,5%): 34 độ C–38 độ C Phạm vi phân tách: 100 bp đến >30 kb Quy cách: 100g/chai	Gram	100	39.960
36	PP2500600427	Dung dịch Chloroform	Không yêu cầu	1070242500	Từ năm 2024 trở đi	Đức	Merck	Độ tinh khiết: 99,0 - 99,4 % Nhiệt độ sôi: 61°C (1013 hPa) Tỷ trọng 1,49 g/cm ³ (25 °C) Nhiệt độ nóng chảy: -64 °C Áp suất hóa hơi: 210 hPa (20°C) Quy cách: 2,5 lít/chai	Chai	1	1.398.000

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Mã hàng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
37	PP2500600428	Cuộn Parafilm	Không yêu cầu	PM996	Từ năm 2024 trở đi	Mỹ	Amcors - Mỹ	Loại màng nhiệt nhựa dẻo, không thấm nước, hấp thụ ẩm cao Có thể căng dài hơn 200% chiều dài ban đầu Chịu được tối đa 48 giờ với nhiều chất như dung dịch muối, axit vô cơ và dung dịch kiềm Kích thước 4"x125'	Cuộn	3	898.333
38	PP2500600430	Kit PCR Mastermix	Không yêu cầu	K1082	Từ năm 2024 trở đi	Lithuania	Thermo Fisher Scientific	Màu sắc: Xanh lá Nồng độ 2X Thành phần: DreamTaq DNA Polymerase, DreamTaq buffer, MgCl2 và dNTPs Quy cách: 20 x 1.25 mL (thực hiện 1000 phản ứng)	Hộp	2	13.500.000
39	PP2500600432	Giá giữ lạnh cho ống 1,5ml/2ml	Không yêu cầu	3880001174	Từ năm 2024 trở đi	Đức	Eppendorf	Chứa được tối đa 24 ống micro (ví dụ: 0,5 mL hoặc 1,5 mL/2,0 mL) Gói lạnh màu xanh dương duy trì -21°C trong tối đa 3 giờ. Các giá đỡ có thể xếp chồng lên nhau, có thể hấp tiệt trùng và có thể ly tâm Phiên bản IsoPack (gói lạnh) màu xanh dương duy trì -21°C trong tối đa 3 giờ. Quy cách: 1 IsoPack và 1 IsoRack	Cái	3	3.499.200
40	PP2500600433	Cồn y tế 90 độ	Không yêu cầu	Không có mã hàng	Từ năm 2025 trở đi	Việt Nam	Bidophar	Cồn dùng trong lĩnh vực y tế Nồng độ: Ethanol 90% Quy cách: 30 lít/can	Lít	150	33.826
41	PP2500600434	Dung dịch Javel	Không yêu cầu	Không có mã hàng	Từ năm 2025 trở đi	Việt Nam	Công ty CP đầu tư V&T	Hàm lượng Sodium hypochlorite (NaOCl): (10±2) % Đóng gói: 30 lít/thùng	Lít	150	15.984
42	PP2500600435	Que ngoáy họng	Không yêu cầu	NLD615C	Từ năm 2024 trở đi	Trung Quốc	Hangzhou Rollmed Co., Ltd	Vật liệu đầu /que tăm: Nylon flocked/ABS Đặc điểm: Tổng chiều dài: 15cm (± 0.2 cm) Khắc bẻ: 8cm (± 0.2 cm) Đóng gói: 100 tăm bông/ gói	Que	1.900	2.197
43	PP2500600436	Lam kính tròn	Không yêu cầu	7102	Từ năm 2024 trở đi	Trung Quốc	Greetmed	Kích thước: 25,4 x 76,2mm Độ dày: 1 - 1,2mm Chất liệu thủy tinh Quy cách: 72 miếng/hộp	Hộp	75	23.500
44	PP2500600437	Ống nhựa 5ml có nắp	Không yêu cầu	ONG - 2.1.5	Từ năm 2024 trở đi	Việt Nam	Hồng Thiện Mỹ	Kích thước 12x75 Nhựa PS trắng trong nắp ấn trong màu trắng Quy cách: 500 cái/gói	Cái	500	700
45	PP2500600438	Que gòn lấy mẫu cán nhựa	Không yêu cầu	Không có mã hàng	Từ năm 2024 trở đi	Việt Nam	Bông Bạch Tuyết	Đầu bông làm từ 100% bông xơ tự nhiên, thân que thường làm bằng nhựa nguyên sinh chịu nhiệt. Công dụng: Dùng để lấy mẫu xét nghiệm (như dịch mũi, họng), làm sạch vết thương, hoặc bôi thuốc. Quy cách: Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí E.O.Gas và đóng gói đa dạng (gói 100 que, 5 que/tép nhỏ). Kích thước: Có nhiều kích thước đầu bông và chiều dài khác nhau Ø5mm	Cái	6.500	580

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Mã hàng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
46	PP2500600439	Giá đỡ ống nghiệm 15ml	Không yêu cầu	Không có mã hàng	Từ năm 2024 trở đi	Việt Nam	Công ty Inox Không Gian Việt	Chất liệu inox Đường kính lỗ: 18mm, 50 vị trí	Cái	1	120.000
47	PP2500600440	Giá đỡ ống nghiệm 50ml	Không yêu cầu	Không có mã hàng	Từ năm 2024 trở đi	Việt Nam	Công ty Inox Không Gian Việt	Chất liệu inox Đường kính lỗ: 32mm, 15 vị trí	Cái	1	150.000
48	PP2500600441	Kit định danh xác định vi khuẩn Enterobacteriaceae 20 phản ứng sinh hóa	Không yêu cầu	32400	Từ năm 2024 trở đi	Pháp	Biomerieux	Sử dụng để định danh xác định vi khuẩn Enterobacteriaceae, trực khuẩn gram âm khác Có chứa tối thiểu 20 vi ống chứa cơ chất đã khử nước Định danh bằng phản mềm định danh Thành phần: 25 thanh phản ứng, 25 hộp ủ, 25 bảng kiểm tra kết quả, 1 hướng dẫn sử dụng Quy cách: 25 test/hộp	Test	25	211.400
49	PP2500600442	Thuốc thử ZymB	Không yêu cầu	70493	Từ năm 2024 trở đi	Pháp	Biomerieux	Thuốc thử (reagent) được sử dụng trong các bộ kit định danh vi sinh vật API Thành phần: R1: Methanol 30 mL Dimethyl Sulfoxide (DMSO) 70 mL R2: Fast Blue BB (active ingredient) :0,14g Quy cách: 5mlx2	Hộp	1	2.020.000
50	PP2500600443	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 16mm, chiều dài 160mm	Không yêu cầu	261312107	Từ năm 2024 trở đi	Đức	Duran	Vật liệu: thủy tinh borosilicate Đường kính 16mm, chiều dài 160mm	Cái	500	24.740
51	PP2500600444	Lamen	Không yêu cầu	GT201-2222CE	Từ năm 2024 trở đi	Trung Quốc	Greetmed	Kích thước: 22 x 22 mm Độ dày: 0,16-0,19 mm Chất liệu thủy tinh Quy cách: 100 miếng/hộp	Hộp	2	19.000
52	PP2500600445	Màn lọc thô G4	Không yêu cầu	PURA G	Từ năm 2024 trở đi	Việt Nam	EBRACO Việt Nam	Khung nhôm kích thước: 592x592x46mm, 3400 CHM, EFF: A>90%.	Cái	20	421.740
53	PP2500600446	Lọc Hepa H13 chịu nhiệt	Không yêu cầu	Hepatec - I HT	Từ năm 2024 trở đi	Việt Nam	EBRACO Việt Nam	Khung nhôm, kích thước 200x200x150mm Vật liệu sợi thủy tinh Chịu nhiệt 150 độ, hiệu suất lọc 99,95% ở 0,3 micron	Cái	2	1.350.000
54	PP2500600447	Lọc thô nước	Không yêu cầu	EBRRO-PP	Từ năm 2024 trở đi	Việt Nam	EBRACO Việt Nam	Chất liệu sợi: Sợi Polypropylene, bông nền Thiết kế lõi lọc: 2 đầu phẳng Khe lọc: 5µm Đường kính trong: 28 mm Đường kính ngoài: 60mm Chiều dài: 20(inch) /508 (mm)	Cái	10	90.720
55	PP2500600448	Màn lọc túi F8	Không yêu cầu	Pura-pak	Từ năm 2024 trở đi	Việt Nam	EBRACO Việt Nam	Khung mạ kẽm, kích thước: 592x592x380 mm gồm 8 túi, lưu lượng gió 3400 CHM, hiệu suất EFF: 90%<E< 95%.	Cái	12	464.400
56	PP2500600449	Màn lọc thô M5	Không yêu cầu	PURA-PAK 40	Từ năm 2024 trở đi	Việt Nam	EBRACO Việt Nam	Khung nhôm KT: 610x610x46 mm(WxHxD), 3400 CHM EFF: 40 %<E< 60%.	Cái	4	849.420

STT	Mã phần lô	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu	Mã hàng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá trúng thầu
57	PP2500600450	Lọc Hepa cấp tổng	Không yêu cầu	Hepatec V-H	Từ năm 2024 trở đi	Việt Nam	EBRACO Việt Nam	Khung nhôm kích thước: 610X610X292mm Lưu lượng gió 3400 CMM, Hiệu suất 99,95% ở 0,3 micron.	Cái	2	5.191.560
58	PP2500600451	Protein kháng nguyên Yersinia pestis F1 tái tổ hợp	Không yêu cầu	ab236940	Từ năm 2024 trở đi	Anh	Abcam	Protein kháng nguyên Yersinia pestis F1 tái tổ hợp Độ tinh khiết >90% Số Amino acid: 22 đến 170 Đóng gói: 100 µg/ống	Ống	1	39.119.300
59	PP2500600452	Bộ kit chạy realtime RT-PCR một bước	Không yêu cầu	95132-100	Từ năm 2024 trở đi	Hoa Kỳ	Quantabio LLC	- Không bị ảnh hưởng bởi các chất ức chế thông thường bao gồm polysaccharides, heme/hemoglobin, axit humic, melanin - Sẵn sàng sử dụng - Dùng để định lượng RNA virus hoặc RNA mục tiêu - Hỗn hợp phản ứng 2x bao gồm: + dATP, dCTP, dGTP, dTTP, MgCl2 + Enzyme phiên mã ngược + RNase inhibitor protein + hot-start DNA polymerase + Chất nhuộm và chất ổn định Quy cách: 100 test/hộp	Test	500	39.000
60	PP2500600453	Hỗn hợp phản ứng qPCR	Không yêu cầu	95147-250	Từ năm 2024 trở đi	Hoa Kỳ	Quantabio LLC	Dung dịch sẵn sàng sử dụng Hỗn hợp phản ứng 5X bao gồm: - Dung dịch đệm phản ứng được tối ưu hóa dATP, dCTP, dGTP, dTTP, MgCl2 - Enzyme DNA Polymerase Taq - Thuốc nhuộm Quy cách: 250 phản ứng x 25 µL (1 x 1,25 mL)	Phản ứng	250	55.992